

XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TRONG MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Phạm Thị Ánh Hồng

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non, Trường Đại học Hải Phòng

Email: hongpta@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 04/8/2025

Ngày nhận bài sửa: 15/8/2025

Ngày duyệt đăng: 12/11/2025

Tóm tắt: Giáo dục phổ thông hiện nay chú trọng phát triển năng lực và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh. Môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học với nội dung gần gũi đời sống tạo nhiều cơ hội tổ chức hoạt động học tập gắn liền với trải nghiệm thực tế. Trên cơ sở này, bài viết tập trung thiết kế các dạng hoạt động nhằm giúp học sinh chủ động huy động, áp dụng kiến thức và kĩ năng để giải quyết vấn đề thực tiễn. Các hoạt động được tổ chức theo tiến trình hợp lý, góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng một cách hệ thống, đồng thời nâng cao khả năng ứng dụng linh hoạt, hiệu quả trong học tập và đời sống.

Từ khóa: Hoạt động học tập, kĩ năng, năng lực vận dụng kiến thức, Tự nhiên và Xã hội.

DEVELOPING LEARNING ACTIVITIES TO ENHANCE STUDENTS' COMPETENCE IN APPLYING KNOWLEDGE AND SKILLS IN NATURAL AND SOCIAL SCIENCES

Abstract: Current general education emphasizes the development of students' competencies and their ability to apply knowledge in practical contexts. At the primary school level, the Natural and Social Sciences curriculum, with content closely related to real-life experiences, provides numerous opportunities to organize learning activities integrated with hands-on experiences. Based on this context, the study focuses on designing various types of activities to help students actively mobilize and apply their knowledge and skills to solve real-world problems. These activities are arranged in a logical sequence, contributing to the systematic development of students' ability to apply knowledge and skills, while enhancing their capacity for flexible and effective application in learning and everyday life.

Keywords: Learning activities, competency in applying knowledge and skills, Natural and Social Sciences.

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu của dạy học hiện nay hướng đến việc giúp học sinh (HS) chủ động chiếm lĩnh tri thức, biết vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, việc phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng (NLVDKT, KN) cho HS được xem là một trong những giải pháp thiết thực nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Ở cấp tiểu học, NLVDKT, KN được xác định là một thành phần quan trọng của năng lực khoa học - năng lực đặc thù trong môn Tự nhiên và Xã hội. Năng lực này không hình thành trong một thời điểm nhất định mà được phát triển liên tục trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. HS thể hiện năng lực thông qua các hành động cụ thể, dựa trên khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức (ở mức độ biết và hiểu), kỹ năng (ở mức độ thực hành), thái độ (ở mức độ ứng xử), cùng với vốn kinh nghiệm cá nhân để giải quyết linh hoạt và hiệu quả các tình huống học tập [9]. Trên cơ sở đó có thể nhận thấy, đa dạng các hoạt động trong dạy học tạo cơ hội cho HS thể hiện tiềm năng của bản thân; vận dụng kiến thức, kỹ năng của mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ đề ra. Sự thay đổi trong hoạt động học tập còn đem lại ý nghĩa về mặt tinh thần cho HS. Các em bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ với tình huống hay nhiệm vụ đặt ra càng lớn thì sẽ tạo động cơ thúc đẩy hành động càng mạnh mẽ hơn. Từ đây, HS có thể thích ứng cải thiện chất lượng cuộc sống từ những kinh nghiệm được tích lũy

trong nhà trường và xã hội. Do vậy, trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên (GV) cần xây dựng đa dạng các hoạt động học tập phù hợp, tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm, khám phá thực tiễn và thể hiện NLVDKT, KN một cách tự nhiên, hiệu quả.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Từ giữa thế kỷ XIX, một số nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định vai trò của việc vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong việc giúp người học thích ứng với môi trường và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Nghiên cứu của Barnett và Ceci (2002) gọi việc vận dụng kiến thức và kỹ năng là một quá trình “chuyển giao”. Quá trình này bao gồm chuyển giao gần (vận dụng trong tình huống tương tự) và chuyển giao xa (vận dụng vào bối cảnh mới), đòi hỏi người học phải hiểu sâu và biết linh hoạt áp dụng tri thức, thay vì chỉ ghi nhớ máy móc [13]. Theo quan điểm của C. Wooldridge (2014), để chuyển giao hiệu quả, HS cần được hỗ trợ nhận ra mối liên hệ giữa tri thức đã học với tình huống thực tế, thông qua định hướng sư phạm phù hợp [14].

Ở Việt Nam, các nghiên cứu như của Nguyễn Lâm Hữu Phước (2022), Phan Thanh Hà (2024) Cần đều nhấn mạnh rằng NLVDKT, KN là một trong những thành phần năng lực quan trọng của năng lực khoa học, cần được phát triển thông qua dạy học gắn với thực tiễn, rèn luyện các kỹ năng sống đa dạng từ môi trường,...[12], [4]. Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội

xác định rõ yêu cầu này thông qua các biểu hiện cụ thể như: HS giải thích được hiện tượng; phân tích tình huống liên quan đến sức khỏe, môi trường; đưa ra cách ứng xử phù hợp [1]. Các hình thức dạy học như dự án, trải nghiệm, bài tập tình huống,...được xem là con đường hiệu quả để phát huy NLVDKT, KN của HS trong môn học này [2], [5]. Do đó, để có thể phát triển NLVDKT, KN cho HS đảm bảo tính toàn diện cần chú trọng đến giải pháp đa dạng hóa được các hoạt động học tập phù hợp với đặc điểm tâm lý và khả năng nhận thức của HS tiểu học.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm

3.1.1. Hoạt động học tập

Theo tác giả Trần Thị Tuyết Oanh cho rằng hoạt động học tập chính là quá trình HS chủ động tiếp cận các nguồn tri thức, phát triển các kênh thông tin theo hướng nắm rõ bản chất và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống của bản thân. Đây chính là hoạt động cơ bản của con người, có tính mục đích, tự giác chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện KN, kĩ xảo mới và điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với môi trường thực tế [10].

Ngoài ra, để mỗi hoạt động học tập diễn ra thực sự đạt hiệu quả cần chú trọng đến việc hướng dẫn HS phương pháp, cách thức tự học, phát hiện và giải quyết được vấn đề theo nhiều góc độ đa chiều nhằm đáp ứng những đòi hỏi khác nhau trong từng trường hợp cụ thể, từng bước tự hình thành và phát triển năng lực cho người học

[12]. Việc thay đổi các hoạt động học tập không chỉ giúp HS tiếp nhận kiến thức chủ động hơn mà còn tác động đến ý thức, thái độ. HS tạo được động cơ học tập hứng thú, tích cực trong quá trình tham gia các hoạt động đa dạng. Qua đó, HS có thể “thích nghi” và cải thiện chất lượng cuộc sống từ những kinh nghiệm được tích lũy trong nhà trường và xã hội.

Nói tóm lại, hoạt động học tập là một quá trình diễn ra có chủ đích trong không gian lớp học, dưới sự hỗ trợ và định hướng của giáo viên, nhằm tạo điều kiện cho học sinh tích cực tham gia, khám phá tri thức và nâng cao năng lực cá nhân.

3.1.2. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Trong từ điển Tiếng Việt: “vận dụng” là kiến thức được áp dụng vào thực tế [11, tr.1105], “kiến thức” là những điều hiểu biết có được thông qua trải nghiệm hay do học hỏi [11, tr.524], “kĩ năng” là sử dụng những điều được học trong một lĩnh vực nào đó vào cuộc sống [11, tr.520].

Các nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thị Côi, Trần Thị Thu Huyền (2023); Hoàng Thị Ngà (2024) đều nhận đặc trưng của NLVDKT, KN là khả năng của cá nhân trong việc khai thác và sử dụng hiệu quả những hiểu biết đã được tích lũy từ quá trình học tập hoặc từ thực tiễn đời sống để xử lý các tình huống đa dạng trong thực tế. NLVDKT, KN không chỉ thể hiện qua việc giải quyết vấn đề, mà còn phản ánh phẩm chất, năng lực và sự linh hoạt trong tư duy, hành động của người học [3], [9].

Dựa trên cơ sở đó, trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, NLVDKT, KN được hiểu là HS huy động những kiến thức đã học về tự nhiên và xã hội (gia đình, trường học, cộng đồng địa phương, con người và sức khỏe, thực vật và động vật, Trái đất và bầu trời) cùng với kinh nghiệm đã có từ cuộc sống và môi trường học tập để giải quyết các vấn đề liên quan thực tiễn. Những tình huống đó có thể được đặt trong bối cảnh quen thuộc, gần gũi với đời sống hoặc là những tình huống mới phát sinh, đòi hỏi HS phải thích ứng và vận dụng sáng tạo. Trong quá trình này, HS sẽ bộc lộ rõ nhu cầu nhận thức, khả năng phát hiện và phân tích vấn đề, đồng thời biết đánh giá, điều chỉnh phương án giải quyết và rút ra được những bài học phù hợp cho bản thân.

3.2. Khả năng phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng cho học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội thông qua các hoạt động học tập

Môn Tự nhiên và Xã hội có đối tượng học tập gắn liền với các sự vật, hiện tượng xung quanh. Việc thiết kế hoạt động học tập đa dạng sẽ tạo cơ hội để HS kết nối kiến thức với thực tiễn một cách hiệu quả. Khi được tổ chức phù hợp với tâm lý và nhu cầu của HS tiểu học, các hoạt động này không chỉ khơi gợi hứng thú, kích thích tính tò mò mà còn tạo môi trường an toàn để các em thử nghiệm và khám phá.

Trong quá trình tham gia, NLVDKT, KN của HS được thể hiện qua nhiều phương diện: nhận diện vấn đề liên quan đến sự vật, hiện tượng tự nhiên - xã hội; thu

thập, xử lý thông tin để phân tích, so sánh, đánh giá; đề xuất và thực hiện giải pháp. Quá trình này còn giúp phát triển NLVDKT ở các mức độ khác nhau, từ vận dụng kiến thức đơn giản để giải quyết nhiệm vụ quen thuộc đến áp dụng tổng hợp thông tin vào tình huống mới mang tính sáng tạo. Nhờ đó, năng lực của HS được hình thành tự nhiên, toàn diện, phù hợp với đặc thù môn học.

3.3. Các dạng hoạt động học tập phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cho học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội

3.3.1. Căn cứ đề xuất

Nghiên cứu tập trung xây dựng các hoạt động học tập phát triển NLVDKT, KN cho HS bám sát nội dung trong chương trình nhằm đảm bảo cơ sở thực tiễn dạy học và phù hợp với cách thức đánh giá năng lực hiện nay ở tiểu học. Do vậy, một số căn cứ liên quan được bài viết đưa ra như sau:

Căn cứ vào mục tiêu dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. GV cần tiếp cận mục tiêu dạy học một cách tổng thể và cụ thể theo từng bài nhằm xác định những nội dung cốt lõi về kiến thức, kĩ năng có liên hệ chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống. Từ đó, GV lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp nhằm phát huy hiệu quả NLVDKT, KN cho HS.

Căn cứ yêu cầu cần đạt về NLVDKT, KN trong chương trình môn học. Việc xác định rõ yêu cầu cần đạt giúp GV có cơ sở thiết kế nhiệm vụ học tập phù hợp với định hướng phát triển năng lực. Đặc biệt, cần

phân tích cụ thể các biểu hiện của năng lực để thấy rõ mức độ hiệu quả giữa nhiệm vụ học tập và khả năng nhận thức của HS. Khi tham gia hoạt động, HS chủ yếu thể hiện NLVDKT, KN qua quá trình tiếp nhận và nhận diện vấn đề đến huy động kiến thức đã học để thu thập thông tin liên quan và đề xuất các phương án giải quyết và lập luận, lý giải cách lựa chọn. Mỗi hành động này đều là biểu hiện cụ thể phản ánh mức độ phát triển của năng lực, giúp GV có thể quan sát và đánh giá sự tiến bộ của HS một cách toàn diện.

Căn cứ vào đặc điểm tâm lý và khả năng nhận thức của HS. Ở giai đoạn đầu cấp tiểu học, HS thường tiếp nhận tri thức thông qua những hình ảnh trực quan, cụ thể. Do đó, cần xây dựng các hoạt động học tập gắn liền với môi trường xung quanh, quen thuộc và có thể tiếp cận được bằng các giác quan như quan sát, sờ, ngửi,... Điều này góp phần hình thành biểu tượng ban đầu và kích thích các em huy động vốn sống, vốn hiểu biết của bản thân trong quá trình giải quyết nhiệm vụ đặt ra. Đồng thời, việc lựa chọn các hoạt động còn phụ thuộc vào điều kiện thực tế đòi hỏi GV phải nhận diện chính xác những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thiết kế để đưa ra các điều chỉnh kịp thời, hợp lý với khả năng nhận thức của từng đối tượng học tập.

3.3.2. Đề xuất các dạng hoạt động học tập

3.3.2.1. Hoạt động giải thích các sự vật hiện tượng và mối quan hệ xung quanh

Trong môn Tự nhiên và Xã hội, khi tìm hiểu về đặc điểm của một số sự vật, hiện tượng trong tự nhiên GV cần tổ chức cho HS mô tả hay chứng minh qua hoạt động thực hành, thí nghiệm do có những nội dung mang tính trừu tượng, quá trình diễn ra hoặc điều kiện khó quan sát trong điều kiện bình thường đòi hỏi phải mô phỏng lại nhằm giúp HS trực quan hóa được đối tượng học tập. Đồng thời, HS có cơ hội trải nghiệm, vận dụng hiểu biết để thực hành, giải thích diễn biến của sự vật xảy ra để chủ động tìm ra kết luận khoa học. Một số hoạt động thực hành trong dạy học với sự hỗ trợ của phương tiện (video, hình ảnh, phần mềm,...) đã tái hiện đời sống thực nhằm giúp HS nâng cao khả năng kết nối kiến thức với thực tiễn theo hướng tích cực, hứng thú.

Căn cứ vào từng mục đích và nội dung bài học, GV có thể lựa chọn các mức độ làm thực hành khác nhau nhằm giúp HS giải thích được sự vật, hiện tượng đưa ra đảm bảo tính vừa sức. Tuy nhiên, GV cần chú ý hướng đến phát huy năng lực cá nhân HS bằng cách cho HS chủ động nêu kế hoạch và phương án thực hiện, đánh giá khả năng huy động kiến thức của HS trong quá trình giải quyết vấn đề. Các bước tiến hành bao gồm:

Bước 1: GV nêu vấn đề giải thích.

Bước 2: HS dự kiến cách tiến hành. Trong bước này, HS nêu ra cách thức tiến hành. HS có cùng phương án thực hiện

được tập hợp thành một nhóm và tiến hành trao đổi, lập kế hoạch thực hiện.

Bước 3: Thực hiện thực hành. Mỗi nhóm tiến hành thực hành theo kế hoạch xây dựng.

Bước 4: Báo cáo và giải thích kết quả thực hành. Đối chiếu kết quả với giả thuyết ban đầu đưa ra và giải thích được vấn đề cần làm sáng tỏ.

Bước 5: Đánh giá và rút ra kết luận khoa học.

Ví dụ: Bài 14 - Chức năng một số bộ phận của thực vật [8]

Bước 1: GV nêu vấn đề giải thích. Để tìm hiểu về chức năng của lá cây, GV có thể yêu cầu HS làm thí nghiệm giải thích hiện tượng “Vì sao khi chụp một túi ni-lông khô, không màu lên cây, sau một thời gian, sờ vào bên trong túi thấy ẩm, ướt” nhằm chứng minh khả năng thoát hơi nước của lá cây.

Bước 2: HS dự kiến các cách tiến hành để giải thích hiện tượng như:

- Cách 1: Dùng 1 túi ni-lông không màu chụp lên một chậu cây có lá.

- Cách 2: Dùng 2 chậu cây nhỏ cùng loại, cùng kích cỡ, trong đó có 1 chậu cây cắt bỏ hết lá. Sau đó chụp túi ni-lông trong suốt lên từng chậu cây.

Học sinh có cùng ý tưởng về cách làm sẽ thảo luận chung cùng 1 nhóm, chuẩn bị dụng cụ tiến hành.

Bước 3: Các nhóm tiến hành thực hiện và quan sát hiện tượng nhằm kiểm

chứng khi chụp túi ni-lông không màu lên cây thì sau 1 thời gian bên trong túi có bị ẩm, ướt.

Bước 4: Đại diện các nhóm trình bày quá trình thực hiện.

- Cách 1: HS có thể nhận thấy sau một thời gian chụp túi ni-lông vào chậu cây có lá, sờ vào bên trong túi có hiện tượng ẩm, ướt. Chứng minh vấn đề đưa ra ban đầu là đúng, tuy nhiên chưa xác định rõ được túi ni-lông bị ẩm ướt là do bộ phận nào của cây xanh tạo ra (giả thuyết đúng nhưng chưa đủ).

- Cách 2: HS nhận thấy, chậu cây bị cắt bỏ lá cây khi chụp túi ni-lông không thấy có hơi nước bám vào (túi ni - lông vẫn trong). Chậu cây còn lại thì có hơi nước bám vào túi ni-lông. Khi so sánh 2 chậu cây, HS có thể chứng minh được giả thuyết được nêu ra và giải thích rõ ràng được hiện tượng xảy ra là do lá cây có chức năng thoát hơi nước (giải thuyết đúng và đủ).

Bước 5: GV và HS đánh giá quá trình thực hiện, kết luận được hiện tượng xảy ra là do hơi nước thoát ra bị túi ni-lông cản lại nên có hiện tượng hơi nước bám vào trong túi ni-lông (túi ni-lông bị mờ đục). Điều này chứng tỏ lá cây có chức năng thoát hơi nước.

Phân tích: Trong ví dụ, NLVDKT, KN của HS được biểu hiện qua quá trình HS huy động vốn hiểu biết về chức năng một số bộ phận của thực vật, trong đó có lá cây (quang hợp, hô hấp, thoát hơi nước). HS vận dụng nguồn thông tin liên quan,

tiến hành đề xuất hoạt động thực hành nhằm kiểm chứng vấn đề thực tiễn nêu ra. Mức độ vận dụng của từng HS được thể hiện khác nhau trong cách lựa chọn phương án tiến hành. Việc mô tả diễn biến của hiện tượng qua hoạt động thí nghiệm sẽ giúp HS dễ dàng nắm bắt nội dung bằng việc quan sát trực tiếp đối tượng nghiên cứu. Từ đây, HS có thể hình thành hệ thống lí lẽ, dẫn chứng đảm bảo tính logic, khoa học để lí giải vấn đề.

3.3.2.2. Hoạt động phân tích tình huống gắn liền với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, GV có thể nâng cao khả năng phân tích tình huống về các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn cho HS thông qua một số trò chơi học tập. Một số trò chơi học tập có thể sử dụng lồng ghép tình huống như:

- Ghép tranh: Tình huống được xây dựng thành các mảnh ghép và HS sắp xếp được trình tự logic của vấn đề và lí giải cách lựa chọn.

- Tập làm họa sĩ: Đưa ra bức tranh có phần nêu vấn đề của tình huống, HS có nhiệm vụ đưa ra cách xử lí cho đoạn kết của bức tranh đó (vẽ hoặc viết hướng giải quyết).

- Ghép thẻ chữ: Yêu cầu HS nối ghép 2 cột (cột A tình huống và cột B là cách xử lý).

- Đóng vai theo chủ đề: HS được đóng vai tình huống có liên quan đến chủ đề bài học và tiến hành nhập vai đưa ra cách giải quyết.

- Hỏi đáp/phỏng vấn: 1 HS đưa ra tình huống và chỉ điểm bạn còn lại nêu đáp án trong thời gian quy định.

- Trò chơi diễn tập thực hành, mô phỏng: Đưa ra một số tình huống thực tiễn yêu cầu HS thực hành đưa ra cách ứng phó.

Khi áp dụng trò chơi trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, GV cần xác định cách tổ chức bao gồm các bước:

- Bước 1: Lựa chọn trò chơi học tập. Dựa trên cơ sở mục đích, yêu cầu, nội dung của bài học mà GV xác định trò chơi phù hợp với yêu cầu vận dụng.

- Bước 2: Giới thiệu và giải thích trò chơi. GV chú ý hướng dẫn HS nắm rõ được luật chơi để đánh giá kết quả đảm bảo tính khách quan.

- Bước 3: Tổ chức, tiến hành chơi.

- Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả.

Ví dụ: Bài 21 - Các giác quan của cơ thể [6]

Bước 1: Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài học, GV có thể xây dựng các tình huống gắn với thực tiễn thông qua trò chơi học tập để giúp HS tìm hiểu về chức năng và cách chăm sóc, bảo vệ các giác quan.

Bước 2: GV giới thiệu tên trò chơi “Nhanh trí” và phổ biến luật chơi. GV chia HS thành 4 đội chơi; khi GV đưa ra 1 tình huống bất kì thì nhiệm vụ của mỗi đội là phát cờ giành quyền trả lời. Trong thời gian quy định, mỗi đáp án hợp lí được đưa ra thì sẽ được cộng 1 điểm. Đội nào ghi được nhiều điểm nhất thì giành thắng cuộc. Một số tình huống có thể được xây dựng như sau:

Tình huống 1: Vào buổi tối, em được bố mẹ cho phép xem ti vi. Em muốn được nhìn rõ màn hình lên có ý định kéo ghế ngồi gần chiếc ti vi đang bật. Hãy đưa ra lý do thuyết phục bản thân không nên có hành động đó.

Tình huống 2: Khi đang ngồi học bài, bạn An nghe thấy tiếng đài bật to phát ra từ phòng khách. Theo em, nếu là bạn An thì ta cần có những hành động gì để khuyên nhủ mọi người hãy biết bảo vệ cơ quan thính giác của cơ thể.

Tình huống 3: Bạn Nam được nhà trường phát động phong trào trang trí một chiếc khẩu trang của bản thân để tuyên truyền mọi người khi đi ra đường cần đeo khẩu trang để bảo vệ sức khỏe. Nếu là bạn Nam, em sẽ trang trí như thế nào lên chiếc khẩu trang của mình.

Bước 3: Sau khi nắm rõ cách chơi, các nhóm tiến hành tham gia trò chơi. GV chú ý quan sát, theo dõi quá trình các đội thực hiện để đảm bảo đánh giá khách quan, công bằng.

Bước 4: Nhận xét quá trình tham gia trò chơi của HS; các em rút ra được giá trị bài học cần làm hay không nên làm gì để giữ gìn bảo vệ các giác quan được khỏe mạnh.

Phân tích: Trong ví dụ, để tham gia được trò chơi HS cần vận dụng được hiểu biết về chức năng của các giác quan để giải thích hay đưa ra đáp án cho từng tình huống khác nhau. Cách lựa chọn giải pháp phụ thuộc vào kinh nghiệm của mỗi thành viên trong đội. Mức độ hiểu biết càng nhiều thì

số lượng các câu trả lời đưa ra càng phong phú. Đồng thời, trong mỗi cách giải quyết trình bày, HS cần chứng minh được tính hợp lý về sự lựa chọn mà nhóm mình đề chia sẻ, thuyết phục đối phương chấp nhận phương án đó là phù hợp.

3.3.2.3. Hoạt động đưa ra được cách thực hiện/ ứng xử phù hợp đối với các tình huống có liên quan trong đời sống tự nhiên và xã hội

Tăng cường tính kết nối giữa lý thuyết các bài học trong môn Tự nhiên và Xã hội với đời sống thực qua những hoạt động mang ý nghĩa cộng đồng có một vai trò quan trọng đối với HS tiểu học. Nó không chỉ tác động về mặt nhận thức mà còn hướng đến giáo dục hành vi, tình cảm, các kỹ năng sống cần thiết hiện nay cho HS. Các em được phát huy khả năng chủ động liên hệ, vận dụng điều được học trong việc lập kế hoạch, đề xuất giải pháp thực hiện những hoạt động xã hội phù hợp với trình độ của từng cá nhân.

Bước 1: Lựa chọn chủ đề trải nghiệm. Cần dựa trên mục tiêu, nội dung bài học để thiết kế chủ đề và xây dựng kế hoạch thực hiện (thời gian, hình thức, địa điểm, lực lượng tham gia).

Bước 2: Tổ chức trải nghiệm hoạt động. GV hướng dẫn HS tham gia hình thức trải nghiệm đề xuất. Bày tỏ được suy nghĩ, cảm xúc khi thực hiện hoạt động.

Bước 3: Đánh giá và kết luận.

Ví dụ: Bài 5 - Hoạt động kết nối cộng đồng [7]

Bước 1: GV gợi ý giúp HS lựa chọn chủ đề trải nghiệm liên quan đến nội dung bài học như: “Giúp đỡ những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt”.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động:

+ Dự kiến một số hình thức tiến hành:

Thiết kế các bức thông điệp, lời nhắn chia sẻ sự yêu thương, không kì thị đối với những bạn nhỏ bị khuyết tật.

Tìm hiểu, thăm hỏi một số gia đình có trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo hoặc có hoàn cảnh đặc biệt.

Quyên góp giúp đỡ những bạn HS có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

+ Dự kiến thời gian: tổ chức hoạt động sau khi học xong tiết 1, yêu cầu HS tham gia trải nghiệm và viết bài thu hoạch cảm nghĩ cho hoạt động mà bản thân được thực hiện và báo cáo trước lớp.

+ Dự kiến phương tiện hỗ trợ và lực lượng tham gia quản lí, hướng dẫn HS như: GV, HS, phụ huynh, người dân địa phương,...

Bước 2: Tổ chức thực hiện trải nghiệm theo hình thức HS đã lựa chọn và hoàn thành báo cáo thu hoạch, chia sẻ quan điểm trước lớp trong buổi học tiếp theo.

Bước 3: GV cho HS báo cáo kết quả tham gia hoạt động, GV và HS cùng nhận xét và rút ra ý nghĩa giáo dục trong hoạt động có ý nghĩa cộng đồng mà HS được trải nghiệm.

Phân tích: Trong ví dụ, HS được tạo cơ hội phát triển NLVDKT, KN đã học của bản thân thông qua hoạt động trải nghiệm

gắn liền với thực tiễn địa phương với nội dung là đề xuất hoặc thực hiện được những việc làm giúp đỡ những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Dưới sự hướng dẫn của GV, HS tìm hiểu thông tin về những đối tượng trẻ em gặp hoàn cảnh trên địa bàn mình sinh sống. Từ đó, các em chủ động lập kế hoạch và thực hiện những hành động có ý nghĩa ở nơi mình sinh sống. Giáo dục HS được lòng nhân ái, biết chia sẻ yêu thương với những hoàn cảnh khó khăn và kết nối tinh thần đoàn kết cộng đồng.

4. Kết luận

Năng lực nói chung và NLVDKT, KN của HS nói riêng được bộc lộ thông qua các hoạt động cụ thể. Đối tượng của hoạt động học chính là kiến thức cần tìm hiểu mà mỗi HS lại có một nhịp độ học tập và khả năng nhận thức khác nhau. Do đó, việc phát triển NLVDKT, KN cho HS phụ thuộc vào quá trình tạo dựng được một môi trường học tập giúp HS có thể rèn luyện tư duy bằng các hoạt động khác nhau. Sự đa dạng trong khâu tổ chức bài học sẽ giúp trí thông minh đa dạng của từng cá nhân HS có cơ hội và điều kiện thuận lợi để phát triển, làm cho việc học tập của các em trở nên thú vị, hấp dẫn và tự giác.

Khi tổ chức các hoạt động học tập, GV cần phát huy vai trò trung tâm của HS, hướng dẫn các em phương pháp tự học; tích cực làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để khơi dậy năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo,...khi lập kế hoạch hay thực hiện ý tưởng. Ở từng giai đoạn, ta cần xác định rõ mục đích của hoạt

động, cách tiến hành để định hướng hành vi và có những tác động tích cực đến nhu cầu nhận thức của người học. Bên cạnh đó, GV cần đảm bảo các điều kiện thực hiện hoạt động phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phối hợp với các lực lượng giáo dục khác trong quá trình triển khai tổ chức dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội*, ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

2. Trần Thị Kim Cúc (2021), Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cho học sinh thông qua dạy học trải nghiệm môn Tự nhiên và Xã hội, *Tạp chí khoa học Trường Đại học sư phạm Hà Nội*, Vol.66, số 3, tr 55-62.

3. Nguyễn Thị Côi, Trần Thị Thu Huyền (2023), Phát triển năng lực vận dụng kiến thức cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, *Tạp chí Giáo dục*, tập 23, số 13, tr.1-6.

4. Phan Thanh Hà, Hà Lan Hương, Đào Thị Hồng, Nguyễn Tuyết Nga, Nguyễn Thị Thấn (2024), *Dạy học các môn về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

5. Nguyễn Thị Thu Hằng, Phan Thị Thanh Hội (2018), Đánh giá năng lực vận dụng kiến thức của học sinh trong dạy học phần Sinh học vi sinh vật - Sinh học 10, *Tạp chí Giáo dục*, số 432, tr 52-56.

6. Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thấn, Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng

Quý Tinh (2020), *Tự nhiên và Xã hội 1*, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

7. Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thấn, Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh (2021), *Tự nhiên và Xã hội 2*, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

8. Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thấn, Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy (2022), *Tự nhiên và Xã hội 3*, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

9. Hoàng Thị Ngà, Phạm Thị Ánh Hồng (2024), *Thiết kế chủ đề tích hợp liên môn nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng cho học sinh đầu cấp tiểu học*, *Tạp chí Giáo dục*, tập 24, số 3, trang 7-12.

10. Trần Thị Tuyết Oanh (2013), *Giáo trình Giáo dục học (tập 1)*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

11. Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền Linh, Vũ Xuân Lương, Phạm Thị Thủy, Đào Thị Minh Thu, Đặng Thanh Hoà (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.

12. Nguyễn Lâm Hữu Phước, Đặng Ngọc Hân (2022), Đánh giá năng lực khoa học: Phân tích và minh họa trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học, *Tạp chí khoa học Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, tập 20, số 2, tr.289-302.

13. Barnett, S. M., & Ceci, S. J. (2002), When and where do we apply what

- we learn?: A taxonomy for far transfer, *Psychological bulletin*, 128 (4), 612. quả thử nghiệm các tài liệu giáo dục thực
tiền: Một lưu ý, *Tạp chí Nghiên cứu ứng*
14. Wooldridge, C., Bugg, J., *dụng trong bộ nhớ và nhận thức*, số 3, tr
McDaniel, M., & Liu, Y (2014), Hiệu 214-221.